TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **185/**2019/HNGĐ- ST
Ngày 12/7/2019
"Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Thái Thịnh.
2. Bà Dương Thị Sơn.

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Kỳ Khôi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Bàng Đức Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 12/7/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 413/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 06/6/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* chị Trương Thị Th, sinh năm 1991.

* *Bị đơn:* anh Trần Văn S, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: thôn P, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(chị Th có mặt; anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trương Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Trần Văn S kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn vào ngày 28/12/2011 tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Khi kết hôn cả hai đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn P, xã Th, huyện S. Cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu

thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay chị và anh S sống ly Th, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Sơn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn S.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 15/01/2013 và cháu Trần Trà M, sinh ngày 17/8/2015. Từ khi vợ chồng sống ly Th, cháu H và cháu M ở cùng với anh S và ông bà nội. Quá trình giải quyết vụ án, anh S trao đổi và đề nghị chị để anh S được quyền nuôi con khi ly hôn. Vì vậy chị nhất trí để anh S nuôi dưỡng cả hai cháu. Nếu sau này anh S không nuôi thì chị sẽ đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con sau.

Về tài sản, đất đai chung: Chị và anh S tự thỏa thuận không đề nghị Toà án giải quyết. Về vay nợ chung: không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Anh S có mặt tại địa phương nhưng không có ý kiến bằng văn bản, không đến làm việc theo triệu tập của Tòa án. Do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2019, người làm chứng là ông Trần Văn T (bố đẻ của anh Trần Văn S) trình bày:

Anh S và chị Th kết hôn với nhau từ năm 2011, sau khi kết hôn ông có tách hộ khẩu cho gia đình anh S ra ở riêng gần cạnh nhà ông. Thời gian đầu thấy vợ chồng anh S sống hạnh phúc, tuy nhiên từ khoảng giữa năm 2018 thì phát sinh mẫu thuẫn, vợ chồng anh S thường xuyên cãi chửi xúc phạm nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông là do kinh tế trong gia đình khó khăn, từ đó dẫn đến bất đồng quan điểm. Từ năm 2018 đến nay anh S và chị Th sống ly Th. Anh S và cháu Trần Văn H, Trần Trà M ở cùng ông bà. Việc mâu thuẫn giữa anh S và chị Th đã trầm trọng, gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Anh S cũng nói với ông nhất trí ly hôn với chị Th nhưng không đến Tòa án làm việc. Vì vậy theo ông Tòa án nên giải quyết vắng mặt cho chị Th được ly hôn với anh S.

Về việc giao nuôi con chung, ông cho rằng từ khi sống ly Th, anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng các con, vì vậy Tòa án nên giao cả hai cháu cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Th; xử cho chị Trương Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S. Giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 15/01/2013 và Trần Trà M sinh ngày 17/8/2015 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Các quan hệ về tài sản, đất đai, vay nợ không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Th và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện S ngày 28/12/2011, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Sơn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, anh Trần Văn S là lao động tự do đi làm ở các địa phương khác nhau nhưng vẫn thường xuyên đi về nH, hiện tại vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn P, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Anh Sơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu ly hôn của chị Trương Thị Th, HĐXX nhận định: căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh S xác định: chị Th và anh S kết hôn vào năm 2011. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn P, xã Th, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc chị Th và anh S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Việc mâu thuẫn vợ chồng và sống ly Th giữa chị Th và anh S cũng được chính người Th trong gia đình xác nhận. Chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S, không thể quay về đoàn tụ được, trong suốt quá trình sống ly Th hai anh chị không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Trước khi chị Th làm đơn khởi kiện, anh S và chị Th cùng ký đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó anh S không đến Tòa án để giải quyết, không có thiện chí tham gia hòa giải. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Th và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Th và anh S có 02 con chung là cháu Trần Văn H, sinh ngày 15/01/2013 và Trần Trà M sinh ngày 17/8/2015. Từ khi sống ly Th (năm 2018) đến nay cháu H và cháu M sống cùng anh S và ông bà nội, hiện anh Sơn đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S có chỗ ở ổn định và có thu nhập đảm bảo nuôi con. Trong đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 10/11/2018 do anh S và chị Th cùng ký thỏa thuận anh S là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Bản Th chị Th không có việc làm ổn định, không đảm bảo được việc chăm sóc hai con, quá trình giải quyết vụ án chị Th đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, anh S cũng đề nghị được quyền nuôi dưỡng con nhưng không thể hiện bằng văn bản cụ thể. Tham vấn ý kiến cơ quan chăm sóc bảo vệ trẻ em của địa phương có ý kiến nên giao cả hai cháu cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần giao cả cháu H và cháu M cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung nên chị Th không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[6] Về tài sản, đất đai chung: Chị Th xác định chị và anh S tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Về công nợ chung: không có.

[7] Về án phí: Chị Th phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải nộp án phí.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Th về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với anh Trần Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Th được ly hôn anh Trần Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 15/01/2013 và Trần Trà M sinh ngày 17/8/2015 cho anh Trần Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu M đủ 18 tuổi. Chị Trương Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Th phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^0 0000705 ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh Trần Văn S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12/7/2019), vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS dân sự huyện Sơn Dương;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Vũ Thái Thịnh – Dương Thị Sơn	**Nguyễn Văn Toàn**